

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG

MST : 0200815578

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV
NĂM 2013

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 4 năm 2013 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 22/07/2013.
- Trụ sở chính của Công ty:
Địa chỉ : Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại : (031)3 854 626
Fax : (031)3 782 326
- Hoạt động chính của Công ty: Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Môi giới hợp đồng hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính; Kinh doanh bất động sản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính .

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính quý 3 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động trên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên
Bà Bùi Thị Trà	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2014.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: VNĐ

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		481.772.633.791	251.817.624.194
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	177.402.247.656	40.939.228.027
1. Tiền			177.402.247.656	11.939.228.027
2. Các khoản tương đương tiền	111			29.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.835.447.934	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	145.835.447.934	
III: Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.468.719.317	118.050.563.121
1. Phải thu của khách hàng	131		1.881.500.000	51.708.027.857
2. Trả trước cho người bán	132		23.900.434.297	12.714.550.954
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	2.686.785.020	53.627.984.310
IV. Hàng tồn kho	140		128.012.064.615	88.696.135.277
1. Hàng tồn kho	141	5.4	128.012.064.615	88.696.135.277
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.054.154.269	4.131.697.769
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		220.000.000	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		888.491.407	2.125.028.324
3. Thuế nhập khẩu	153		945.662.862	
4. Tài sản ngắn hạn khác	154			2.006.669.445
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		197.715.404.093	263.428.718.793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220	5.5		2.517.384.825
1. TSCĐ hữu hình	221		3.473.526.784	2.517.384.825
- Nguyên giá	222		4.757.229.525	3.309.363.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.283.702.741)	(791.978.705)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			
- Nguyên giá	228			27.168.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(27.168.000)
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.6	193.427.347.386	260.824.447.934
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		193.427.347.386	
3. Đầu tư dài hạn khác	258			260.824.447.934
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		814.529.923	86.886.034
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	814.529.923	86.886.034
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		679.488.037.884	515.246.342.987

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		182.322.218.755	145.064.326.605
I. Nợ ngắn hạn	310		182.322.218.755	145.064.326.605
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8		
2. Phải trả cho người bán	312		116.076.838.550	77.671.080.073
3. Người mua trả tiền trước	313		8.259.554.610	10.031.054.610
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.9	63.466.457	234.858.640
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316		982.000.000	1.120.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	48.417.055.856	47.244.020.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.11	8.523.303.282	8.763.313.282
II. Nợ dài hạn	330			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		497.165.819.129	370.182.016.382
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	497.165.819.129	370.182.016.382
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		382.499.480.000	224.999.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.270.000.000	14.336.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.183.151.000	5.183.151.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.494.600.000	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		91.718.588.129	125.663.055.382
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		679.488.037.884	515.246.342.987


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu			31/12/2013	31/12/2012
5. Ngoại tệ các loại (USD)	N05		480,71	500,25



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2014


Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế đến 31/12/ năm	
		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.367.569.055	151.738.239.943	462.979.754.975	498.949.737.897
2. Các khoản giảm trừ					
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	5.13	141.367.569.055	151.738.239.943	462.979.754.975	498.949.737.897
4. Giá vốn hàng bán	5.14	117.390.945.605	125.688.471.072	384.968.308.855	406.013.362.809
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		23.976.623.450	26.049.768.871	78.011.446.120	92.936.375.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.15	158.843.898	186.979.821	350.839.617	1.465.744.248
7. Chi phí tài chính	5.16	83.008.252	-214.709.197	1.276.641.780	3.839.380.120
- Trong đó: Lãi vay phải trả		17.088.000		1.060.160.320	
8. Chi phí bán hàng		1.933.982.722	2.479.093.129	4.049.522.103	4.706.443.627
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		454.392.739	852.033.637	2.961.287.978	3.482.918.094
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		21.664.083.635	23.120.331.123	70.074.833.876	82.373.377.495
11. Thu nhập khác		2.000.001		15.000.002	
12. Chi phí khác			2.000.000	194.547.411	2.000.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		2.000.001	(2.000.000)	(179.547.409)	(2.000.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		21.666.083.636	23.118.331.123	69.895.286.467	82.371.377.495
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.17	3.750.000	63.466.457	3.750.000	321.534.748
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		21.662.333.636	23.054.864.666	69.891.536.467	82.049.842.747



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2014

Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Theo phương pháp gián tiếp)- Lũy kế từ đầu năm

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	82,371,377,495	69,895,286,467
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	535,011,118	451,688,611
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	462,660,039	(23,753,289)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,286,139,098)	(327,086,328)
- Chi phí lãi vay	06		1,060,160,320
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	82,082,909,554	71,056,295,781
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	89,872,717,859	(70,531,478,973)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(39,315,929,338)	50,274,257,899
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	3.548,178,268	58,652,412,528
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(947,643,889)	244,046,986
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,213,071,716)
- Thuế TNDN đã nộp	14	(261,818,291)	(1,280,397,282)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,006,669,445	4,050,303,279
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(240,010,000)	(6,186,088,724)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	136,745,073,608	105,066,279,778
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,491,153,077)	(40,000,000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6,000,000,000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(160,000,000,000)	(52,460,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		114,989,000,000	
6. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,286,139,098	327,086,328
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45,216,013,979)	(46,172,913,672)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	44,933,960,000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17,000,000,000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39,519,554,000)
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu.	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	44,933,960,000	(22,519,554,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	136,463,019,629	36,373,812,106

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40,939,228,027	4,565,415,921
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	177,402,247,656	40,939,228,027



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2014

Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

1.2 Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 22/07/2013.

Vốn Điều lệ: 382.499.480.000 đồng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 20 người.

1.3 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đúc sắt thép;
- Đúc kim loại màu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơmooc và bán rơmooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất ô tô xe máy;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải: Thiết bị xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trừ xuống);
- Đại lý xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2 Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4.4 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu : Theo giá gốc.

4.5 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản khác	4-25

4.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm : Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay lãi vay phải trả, lỗ chênh lệch tỷ giá gởi đoái, các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các bên góp vốn.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã được góp bằng tiền theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối :

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trngj yếu của các năm trước. Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc thoả mãn các tiêu chuẩn Cơ sở kinh doanh của người tàn tật và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	176,231,268	1,524,970,017
Tiền gửi ngân hàng	177,226,016,388	10,414,258,010
Các khoản tương đương tiền		29,000,000,000
Tổng cộng	177,402,247,656	40,939,228,027

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	2.686.785.020	53.543.006.041
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		84.978.269
Tiền lãi vay phải thu Công ty CP TM Hưng Việt		
Tổng cộng	2.686.785.020	53.627.984.310

(*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng (xem thuyết minh số 5.17 dưới đây)

Trong năm 2013, Công ty đã phát hành hóa đơn tài chính để bàn giao chi phí thực hiện dự án cho Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, do đó số dư khoản mục giảm tương ứng.

5.4 Hàng tồn kho

	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	53,115,983,834	18,574,949,860
Thành phẩm		
Hàng hóa	13,294,936,125	3,287,775,543
Hàng gửi bán	61,601,144,656	66,833,409,874
Chi phí san lấp dự án An Đồng		
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	128,012,064,615	88,696,135,277

5.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình.	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ	3,031,972,727	277,390,803	3,309,363,530
Tại ngày 01/01/2013	3,031,972,727	277,390,803	3,309,363,530
Mua trong kỳ	1,492,940,000		1,492,940,000
Giảm trong kỳ		(45,074,005)	(45,074,005)
Tại ngày 31/12/2013	4,524,912,727	232,316,798	4,757,229,525
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			-
Tại ngày 30/01/2013	630,280,608	161,698,097	791,978,705
Khấu hao trong kỳ	486,760,835	48,250,283	535,011,118
Thanh lý, nhượng bán		(43,287,082)	(43,287,082)
Tại ngày 31/12/2013	1,117,041,443	166,661,298	1,283,702,741
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	2,401,692,119	115,692,706	2,517,384,825
Tại ngày 31/12/2013	3,407,871,284	65,655,500	3,473,526,784

5.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt		260,824,447,934
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng	80,000,000,000	
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	80,000,000,000	
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	33,427,347,386	
Tổng cộng	193,427,347,386	260,824,447,934

Thể hiện khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02 ngày 31 tháng 12 năm 2011 số tiền góp vốn theo hợp đồng 300.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tỷ đồng) mục đích góp vốn vào Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt để cùng nhau hợp tác kinh doanh thực hiện dự án “ Golden land Building”. Thời hạn hợp đồng 03 năm kể từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2014. Công ty đã góp vốn đầu tư vào hợp đồng hợp tác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

kinh doanh trên là 260.824.447.934 đồng tuy nhiên theo nghị quyết đại hội cổ đông số 02-NQĐHCT ngày 05/02/2013 được cổ đông thông qua định hướng dừng việc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, xin rút vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, chấp nhận không hưởng lãi để tập trung nguồn lực kinh doanh cho công ty. Trong kỳ Công ty đã thực hiện rút 114.989.000.000 đồng tại ngày 31/12/2013 số tiền đầu tư còn lại là 145.835.447.934.

Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt được lập thành ngày 21/07/2006 và đang quản lý dự án xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại dịch vụ nhà ở GOLDENLAND –BUILDING. Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt là Công ty chịu sự kiểm soát của ông Đỗ Hữu Hạ cũng đồng thời là cổ đông có quyền kiểm soát đối với Công ty.

Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang được thành lập ngày 21/09/2013 do sở kế kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp mã số doanh nghiệp 0201312898 với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng trong đó Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp vốn là 80.000.000.000 đồng tính đến ngày 31/12/2013 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 80.000.000.000 đồng

Thể hiện khoản góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0201322832 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 22 tháng 11 năm 2013 với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng trong đó Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp vốn là 80.000.000.000 đồng tính đến ngày 31/12/2013 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 80.000.000.000 đồng

Thể hiện khoản góp vốn vào Công ty TNHH Pruksa Việt Nam theo giấy chứng nhận đầu tư số 021022000215 do ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 02 tháng 01 năm 2013, tính đến ngày 31/12/2013 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 33.427.347.386 đồng.

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tại ngày 01/01/	86,886,034	145,608,366
Tăng trong kỳ	794,318,256	70,260,407
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong kỳ	(66,674,367)	(128,982,739)
Tại ngày 31/12/	814,529,923	86,886,034

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế GTGT		
Thuế nhập khẩu		141,630,400
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		84,978,240
Thuế TNDN	63,466,457	3,750,000
Thuế thu nhập cá nhân		4,500,000
Tổng cộng	63,466,457	234,858,640

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47,074,020,000	47,074,020,000
Phải trả cá nhân	170,000,000	170,000,000
Tổng cộng	47,244,020,000	47,244,020,000

(*) Như trình bày tại thuyết minh số 5.18 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước tiền cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

5.11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Quỹ khen thưởng	5,802,733,522	5,927,243,522
Quỹ phúc lợi	2,720,569,760	2,836,069,760
Tổng cộng	8,523,303,282	8,763,313,282

5.12 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND
Tại ngày 31/12/2012	224,999,810,000	14,336,000,000	5,183,151,000	125,663,055,382	370,182,016,382
Lãi trong kỳ				82.049.842.747	82.049.842.747
Trích quỹ	157,499,670,000	(66,000,000)		(115,994,310,000)	41,439,360,000
Quỹ dự phòng vốn điều lệ			3,494,600,000		3,494,600,000
Tại ngày 31/12/2013	382,499,480,000	14,270,000,000	8,677,751,000	91.718.588.129	497.165.819.129

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 382.499.480.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp đến 31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Đỗ Hữu Hạ	54.000.000.000	54%	182.250.000.000	47%
Đỗ Hữu Hậu	23.850.000.000	23,85%	80.493.750.000	21%
Mai Trang	4.050.000.000	4,05%	13.668.750.000	4%
Đỗ Hữu Hưng	4.050.000.000	4,05%	13.668.750.000	4%
Nguyễn Thị Hà	4.050.000.000	4,05%	13.668.750.000	4%
Cổ đông khác	10.000.000.000	10%	78.749.480.000	20%
Cộng	100.000.000.000	100%	382.499.480.000	100%

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp hàng hóa	496,813,703,148	460,454,322,270
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,136,034,749	2,525,432,705
Tổng cộng	498,949,737,897	462,979,754,975
5.14 Giá vốn	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	404,238,913,297	382,695,627,944
Giá vốn của dịch vụ	1,774,449,512	2,272,680,911
Tổng cộng	406,013,362,809	384,968,308,855
5.15 Doanh thu hoạt động tài chính	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	809,701,598	327,086,328
Thu lãi từ hoạt động cho vay	476,437,500	
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	179,605,150	23,753,289
Tổng cộng	1,465,744,248	350,839,617
5.16 Chi phí tài chính	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi vay phải trả		1,060,160,320
Chênh lệch tỷ giá	3,839,380,120	216,481,460
Tổng cộng	3,839,380,120	1,276,641,780
5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	31/12/2012	31/12/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	82,371,377,495	69,895,286,467
Thu nhập chịu thuế		69,895,286,467
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (25%)	20,592,844,374	17,473,821,617
Miễn thuế TNDN theo ưu đãi	(20,271,309,626)	(17,470,071,617)
Thuế TNDN	321,534,748	3,750,000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	82,049,842,747	69,891,536,467

(*) Giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

5.18 Cam kết góp vốn Liên doanh

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International dự kiến thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam lần lượt là 15.000.000 USD và 85.000.000 USD (trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Pruksa International lần lượt là 15% và 85%).

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Tổng mức đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng), chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Công ty TNHH Pruksa Việt Nam theo giấy chứng nhận đầu tư số 021022000215 do ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 02 tháng 01 năm 2013.

5.19 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	VNĐ
Mua thùng xe ô tô.	53.795.895.099
Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt	
Giá trị đầu tư góp vốn	

6. PHÂN TÍCH CHI TIÊU KINH DOANH THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý và báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này là:

- * Miền bắc : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Bắc.
- * Miền Trung : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Trung
- * Miền Nam : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Nam

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau.

Phân tích chỉ tiêu doanh thu theo khu vực địa lý

Doanh thu	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu hàng hóa	170,292,563,162	216,880,545,444	109,640,594,542	496,813,703,148
Doanh thu dịch vụ	2,136,034,749			2,136,034,749
Tổng cộng	172,428,597,911	216,880,545,444	109,640,594,542	498,949,737,897

Phân tích chỉ tiêu giá vốn theo khu vực địa lý

Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Giá vốn của hàng hóa	139,626,909,792	172,112,953,908	92,499,049,597	404,238,913,297
Giá vốn của dịch vụ	1,774,449,512			1,774,449,512
Tổng cộng	141,401,359,304	172,112,953,908	92,499,049,597	406,013,362,809

Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận theo khu vực địa lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Lợi nhuận gộp từ hàng hóa	30,665,653,370	17,141,544,945	44,767,591,536	92,574,789,851
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	361,585,237			361,585,237
Tổng cộng	31,027,238,607	17,141,544,945	44,767,591,536	92,936,375,088

Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	
Cty CP đầu tư thương mại CTH	678.000.000			678.000.000
Cty TNHH MVT XNK Đại An	350.000.000			350.000.000
Cty TNHH TM Việt Hải			853.500.000	853.500.000
Tổng cộng	1.028.000.000		853.500.000	1.881.500.000

Các khoản trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán	DN nước ngoài	DN trong nước	Tổng cộng
	31/12/2013	31/12/2013	
Công ty CP đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy		23,303,481,297	23,303,481,297
Các đơn vị khác		596,953,000	596,953,000
Tổng cộng		23,900,434,297	23,900,434,297

Các khoản phải trả ngắn hạn

Khách hàng trả tiền trước	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	
Công ty TNHH IHI	122,845,070			122,845,070
DNTN thương mại An Phát			50,000,000	50,000,000
Công ty CP ô tô Huy Hoàng Hải Dương	350,000,000			350,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Cty TNHH TMVT Bình Minh		500,000,000		500,000,000
Cty TNHH DV TM Tổng hợp Hùng Phụng	350,000,000			350,000,000
Cty TNHH Minh Tuyết		50,000,000		50,000,000
Cty CP Nhân Lực			905,000,000	905,000,000
Cty CP Việt Cường Phát	600,000,000			600,000,000
DNTN TM Hùng Tuyển			100,000,000	100,000,000
Cty TNHH TM&DV Hoàng Long Hải			350,000,000	350,000,000
Cty TNHH XNK HC Việt Nam	345,000,000			345,000,000
Cty TNHH Hòa Bình Minh	54,800,000			54,800,000
Cty CP ô tô Hoàng Anh		100,000,000		100,000,000
DNTN ô tô Hoàng Hải	50,000,000			50,000,000
Cty TNHH TM Hồng Sơn Star			500,000,000	500,000,000
Cty TNHH CN đầu tư TM Huy Tùng	50,000,000			50,000,000
Cty TNHH Muối Khánh Hòa	337,500,000			337,500,000
Cty CP Ngọc Khánh	3,300,000			3,300,000
Cty TNHH Nhật Tân	307,500,000			307,500,000
Ngân Hàng VIB	303,609,540			303,609,540
Cty TNHH Phương Nam			200,000,000	200,000,000
DNTN thương mại Quốc Tú			300,000,000	300,000,000
Cty TNHH Thái Hòa			500,000,000	500,000,000
Cty TNHH Thiên Phú			350,000,000	350,000,000
Cty TNHH MTV Trường Hải	150,000,000			150,000,000
Cty TNHH Trường Long Auto			250,000,000	250,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Cty TNHH Trường Vinh Hino			500,000,000	500,000,000
Cty CP ô tô Tuấn Nam Trang		230,000,000		230,000,000
Cty TNHH MTV ô tô Út Dương			250,000,000	250,000,000
DNTN TMDV Xuân Thủy Lộc Phát			100,000,000	100,000,000
Tổng cộng	3,024,554,610	880,000,000	4,355,000,000	8,259,554,610

Các khoản phải trả cho người bán

Phải trả cho người bán	DN nước ngoài	DN trong nước	Tổng cộng
	31/12/2013	31/12/2013	
Phải trả DONGFENG	115,817,314,400		115,817,314,400
Phải trả đơn vị khác		259,524,150	
Tổng cộng	115,817,314,400	259,524,150	116,076,838,550

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện sau ngày khoá sổ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2012 được Công ty TNHH kiểm toán VACO kiểm toán.

7.3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 4 năm 2012 so với quý 4 năm 2013.

Lợi nhuận quý 4 năm 2013 đạt được là 23.054.864.666VNĐ so với cùng kỳ quý 3 năm 2012 tăng 1.392.531.030 VNĐ tương ứng với mức tăng trưởng lợi nhuận đạt được là 106,4%%.

Lợi nhuận của năm 2013 đạt được là 82.049.842.747 VNĐ so với năm 2012 tăng 12.158.306.280 VNĐ tương ứng với mức tăng lợi nhuận đạt được là 117,4%

Để đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, lợi nhuận tăng ban lãnh đạo Công ty đã thành công trong việc sử dụng vốn có hiệu quả, mở rộng thị trường, triển khai thêm 1 số sản phẩm ô tô mới, tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí tài chính đặc biệt là chi phí lãi vay.



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2014.

Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng